

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA RÌ
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 3 - 2018

V/v "Tranh chấp ly hôn "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Nhạ và ông Nông Văn Lên

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Huyền Trang; Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Nông Thiêm Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hà Việt N, sinh năm 1945 (có mặt)

Trú tại: Tổ nhân dân P, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

2. Bị đơn: Bà Vy Thị H, sinh năm 1963 (có mặt)

Trú tại: Tổ nhân dân P, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 9 năm 2017, bản tự khai cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn (ông Hà Việt N) trình bày:

Về hôn nhân: Ông Hà Việt N và bà Vy Thị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000. Đến năm 2002 ông N và bà H có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong công việc làm ăn, cuộc sống vợ chồng không êm ấm, thuận hòa. Từ năm 2004 đến năm 2008 ông N tự thuê nhà ra ở riêng nhưng vợ chồng vẫn đi lại thăm hỏi nhau, trong thời gian đó vợ chồng mỗi người tự làm ăn riêng, bà H nghi ngờ ông N có quan hệ tình cảm với người khác. Từ năm 2010 vợ chồng ly thân cho đến nay.

Về con chung: Quá trình sinh sống vợ chồng không có con chung, các con riêng hiện nay đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung và không vay mượn chung.

Tại bản tự khai ngày 17/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Vy Thị H nhất trí với lời trình bày của ông N về thời gian ông bà tự nguyện chung sống, thời gian đăng ký kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, về mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà H trình bày ông bà không có mâu thuẫn gì. Thời gian vợ chồng ra ở riêng ông bà vẫn đi lại thăm hỏi lẫn nhau, lý do ra ở riêng là để cho các con riêng không xảy ra mâu thuẫn với nhau. Bà H xác nhận vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay ông N có đơn xin ly hôn với bà H, bà H không nhất trí ly hôn vì vẫn còn tình cảm với ông N.

Về các vấn đề con chung, tài sản chung và vay nợ chung bà H nhất trí với lời trình bày của ông N và xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng bà không có con chung, không có tài sản chung và không vay mượn chung.

Ngày 17/11/2017 Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án vì bà H không nhất trí ly hôn.

Ngày 23/01/2018 Tòa án tiến hành hòa giải lần hai nhưng nguyên đơn và bị đơn vẫn không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng và thu thập chứng cứ cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án là đầy đủ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Vợ chồng ông N, bà H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Như vậy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Viết N và bà Vy Thị H tự nguyện tìm hiểu, chung sống và được tổ chức cưới theo phong tục địa phương từ năm 2000. Đến năm 2002 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, hay xích mích, cãi vã, ghen tuông. Từ năm 2004 đến năm 2008 ông N tự thuê nhà ra ở riêng, vợ chồng vẫn thỉnh thoảng đi lại thăm nom nhau. Đến năm 2010 vợ chồng ly thân từ đó cho

đến nay tròn 07 năm. Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ vợ chồng giữa ông N, bà H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông N.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, các con riêng đều đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung cũng như không vay mượn chung nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Hà Viết N phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hà Viết N.

1. Tuyên bố: Ông Hà Viết N được ly hôn bà Vy Thị H

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Hà Viết N phải chịu 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 01134 ngày 12/10/2017 của chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì. Xác nhận ông N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh(01b);
- VKSND huyện(02b);
- Các đương sự (02b);
- UBND TT Y (01b);
- THA dân sự(01b);
- Lưu TA(01b);

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Cận